

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HUỆ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST  
Ngày: 29-6-2020  
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Gái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thi Hữu Giàu.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kiều N - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: ấp U, xã M, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1975; (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thanh P - Sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều N trình bày và yêu cầu:

Ngày 12/11/2019, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thanh P có vay của bà 21.586.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận đến ngày 10/12/2019 trả trước 3.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận do bà P viết và ký tên. Đến ngày 13/12/2019, bà yêu ông C và bà P trả cho bà 3.000.000 đồng cùng tiền lãi, đồng thời bà yêu cầu trả hết số nợ còn lại, nhưng ông C và bà P không trả.

Bà khởi kiện yêu cầu ông C và bà P có nghĩa vụ trả cho bà tổng cộng: 24.297.000 đồng (trong đó gồm: 21.586.000 đồng tiền vốn và 2.711.000 đồng tiền lãi), tiền lãi được tính cụ thể như sau:  $21.586.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 2.711.000 \text{ đồng}$  (từ ngày 12/11/2019 đến ngày xét xử 29/6/2020) = 2.711.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2020, bị đơn bà Nguyễn Thanh P trình bày: Bà thống nhất toàn bộ phần trình bày của bà N, giấy viết tay mượn tiền đề ngày 12/11/2019 do bà viết và ký tên. Bà đồng ý trả cho bà N 21.586.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện là 486.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: ông không đồng ý toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của bà N. Số tiền bà N khởi kiện là nợ riêng của bà P. Ông và bà P đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Ông không đồng ý trả cho bà N 21.586.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện là 486.000 đồng.

Bị đơn bà P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông C và bà P trả cho bà N 24.297.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Hồ Thị Kiều N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thanh P có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: ấp Vinh, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và trình bày không thỏa thuận được với các bị đơn về toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét bà N khởi kiện yêu cầu ông C, bà P trả 24.297.000 đồng; gồm: 21.586.000 đồng tiền vốn và 2.711.000 đồng tiền lãi là có căn cứ chấp nhận toàn bộ, bởi vì: phù hợp biên nhận nợ ngày 12/11/2019 bà P thừa nhận tự viết và ký tên, bà N yêu cầu thời gian tính lãi, số vốn dùng để tính lãi, lãi suất 1.66%/tháng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2020 bà P cũng đồng ý trả cho bà N 21.586.000 đồng tiền vốn và 486.000 đồng tiền lãi tính đến ngày khởi kiện. Về nghĩa vụ trả nợ: ông C không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, ông C cho rằng đây là nợ riêng của bà P. Ông và bà P ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Lời trình bày của ông C không có chứng cứ chứng minh. Xét ông C và bà P vẫn là vợ chồng hợp pháp nên ông C có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, ông C và bà P có nghĩa vụ trả cho bà N 24.297.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ các nhận định trên, cần buộc ông C, bà P trả cho bà N 24.297.000 đồng.

[5] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà N được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

Ông C, bà P có nghĩa vụ trả cho bà N 24.297.000 đồng nên phải chịu 1.214.850 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kiều N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thanh P.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Kiều N số tiền 24.297.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:**

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thanh P chịu 1.214.850 đồng (Một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng) tiền án phí.

Bà Hồ Thị Kiều N không phải chịu án phí. Trả lại cho bà N 551.875 đồng (Năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0004939 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Thị Gái**